

TỜ TRÌNH

**V/v thông qua Đề án Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp,
khởi nghiệp doanh nghiệp, giai đoạn 2018-2021**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII

Thực hiện Chương trình kỳ họp thứ 7, HĐND tỉnh khóa VII, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Ban, ngành liên quan nghiên cứu soạn thảo Đề án: Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp doanh nghiệp, giai đoạn 2018-2021, sau khi tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Đề án trên với các nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Nhận thức rõ về vai trò, tầm quan trọng của doanh nghiệp, khởi nghiệp doanh nghiệp đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà; trong những năm qua, cấp ủy, chính quyền các cấp đã thường xuyên quan tâm đến công tác hỗ trợ, tạo điều kiện để doanh nghiệp phát triển, gắn định hướng hoạt động của doanh nghiệp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của tỉnh. Nhờ đó, số lượng, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp từng bước được nâng lên, nhiều doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, góp phần quan trọng trong việc giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh¹. Cơ cấu, quy mô, lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp chuyển đổi phù hợp với định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Đội ngũ doanh nhân ngày càng lớn mạnh, ý thức trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ngày càng được nâng lên.

Tuy nhiên, công tác hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp doanh nghiệp vẫn còn những hạn chế, bất cập, như: Cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp của tỉnh còn manh mún, nhỏ lẻ, thiếu tính đồng bộ; môi trường kinh doanh, khởi nghiệp chưa hấp dẫn; tỷ lệ doanh nghiệp/vạn dân còn thấp so với trung bình cả nước²; địa bàn và lĩnh vực ngành, nghề kinh doanh phát triển không đồng đều. Thủ tục hành chính tuy có cải cách nhưng chưa thực sự thông thoáng; lề lối, phong cách, đạo đức công vụ một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức thiếu chuẩn mực. Vai trò của các Hiệp hội, câu lạc bộ doanh nhân chưa được thể hiện rõ nét.

Doanh nghiệp trên địa bàn hầu hết doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa, chủ yếu là hộ kinh doanh cá thể; công nghệ sản xuất ở mức trung bình, trình độ

¹ Trung bình mỗi năm có trên 300 doanh nghiệp thành lập mới; Năm 2017, tổng sản phẩm của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tạo ra (GSS2010) ước tính đạt 8.264,9 tỷ đồng, đóng góp khoảng 47,6% GDP của tỉnh, giải quyết việc làm cho khoảng 35.500 lao động

² Tại thời điểm cuối năm 2016, cả nước bình quân cứ 200 người dân có 01 doanh nghiệp, Quảng Trị bình quân 220 người dân có 01 doanh nghiệp

quản trị, năng lực tài chính, văn hóa kinh doanh của doanh nghiệp còn hạn chế; cơ cấu ngành nghề kinh doanh chưa hợp lý; thiếu sự hợp tác, liên doanh, liên kết trong sản xuất, kinh doanh, hình thành các chuỗi giá trị; năng lực hội nhập kinh tế quốc tế còn nhiều hạn chế. Tình trạng vi phạm pháp luật và cạnh tranh không lành mạnh còn khá phổ biến. Hoạt động sản xuất, kinh doanh chưa chú trọng đúng mức đến bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm; gian lận thương mại, nợ bảo hiểm xã hội, nợ thuế kéo dài vẫn còn diễn ra.

Vì vậy, việc xây dựng Đề án nhằm cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp Luật của Nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp, khởi nghiệp; khắc phục những hạn chế, bất cập doanh nghiệp ở tỉnh đang gặp phải, phát huy hơn nữa vai trò của doanh nghiệp trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, khuyến khích khởi nghiệp. Đồng thời, cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để lãnh đạo, chỉ đạo công tác phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp theo hướng phát triển nhanh số lượng doanh nghiệp, gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động và phát triển bền vững là thực sự cần thiết.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017
- Luật Doanh nghiệp 2014 và các Nghị định hướng dẫn;
- Căn cứ Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo;
- Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 05/5/2010 của Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị định số 56/2009/NĐ-CP của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;
- Nghị định số 65/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 của Chính phủ về chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác được liệu;
- Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020;
- Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020;
- Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;
- Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến 2025”;
- Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020;

- Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 15/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật hỗ trợ DNNVV;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020;

- Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 của HĐND tỉnh về quy định chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của HĐND tỉnh về hỗ trợ, phát triển một số cây trồng, con nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2017-2020, có định hướng đến năm 2025.

- Căn cứ Công văn số 2536/BKHĐT-PTDN ngày 19/4/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về góp ý dự thảo Đề án Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp doanh nghiệp, giai đoạn 2018-2021

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Đề án quy định về đối tượng, nguyên tắc, các giải pháp, nguồn lực để hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, khởi nghiệp doanh nghiệp theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Nghị định 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Đối tượng áp dụng:

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập, tổ chức và đăng ký hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (bao gồm cả chi nhánh các doanh nghiệp đăng ký hoạt động tại địa bàn tỉnh);

- Nhà đầu tư thực hiện các hoạt động đầu tư theo Luật Đầu tư về lĩnh vực Du lịch và nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

3. Nguyên tắc áp dụng:

- Trong cùng một thời gian, nếu doanh nghiệp được hưởng các mức hỗ trợ khác nhau thì doanh nghiệp được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất cho doanh nghiệp.

- Trong cùng một nội dung hỗ trợ, nếu doanh nghiệp đã được hỗ trợ từ ngân sách Trung ương thì không được tiếp tục hưởng hỗ trợ của ngân sách tỉnh và ngược lại.

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa do nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ hơn có hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện được ưu tiên hỗ trợ trước. Ngoài ra, doanh nghiệp nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện trước thì được hỗ trợ trước.

- Đối với các Nhà đầu tư thực hiện đến đầu tư các dự án về lĩnh vực Du lịch và nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ngoài việc được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định tại Luật Đầu tư, chính sách ưu đãi được Chính phủ quy định, chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 của HĐND tỉnh về quy định chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị được hưởng thêm các chính sách hỗ trợ được

quy định tại Đề án này.

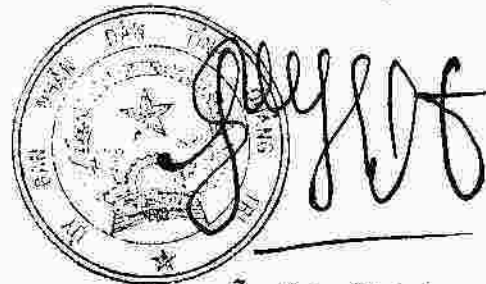
4. Kinh phí thực hiện Đề án: Dự kiến Ngân sách tỉnh hỗ trợ giai đoạn 2018-2021 từ 15 - 19 tỷ đồng (trung bình mỗi năm 4-5 tỷ đồng). Riêng năm 2018, căn cứ vào khả năng ngân sách, tinh cân đối bổ sung thực hiện các mục tiêu của Đề án.

Kính trình HĐND tỉnh xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT, TM

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

The image shows a circular official seal of the Provincial People's Committee. The seal contains the text 'HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ VÀ ĐẦU TƯ' at the top, 'ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH' at the bottom, and 'SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ' in the center. A five-pointed star is positioned in the center of the seal. Overlaid on the seal is a handwritten signature in black ink.

Nguyễn Đức Chính

ĐỀ ÁN

Đề án Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp,

khởi nghiệp doanh nghiệp, giai đoạn 2018-2021

(Kèm theo Tờ trình số : 274/C /TTr-UBND ngày 29 /6/2018 của UBND tỉnh)

Phần thứ nhất

**THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP, KHỞI NGHIỆP DOANH NGHIỆP; HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP TỈNH QUẢNG TRỊ
GIAI ĐOẠN 2011 - 2017**

**I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN
2011 - 2017**

1. Tình hình doanh nghiệp, khởi nghiệp doanh nghiệp

Tính từ năm 2011 đến nay, bình quân mỗi năm ở tỉnh có khoảng từ 250 - 300 doanh nghiệp thành lập mới, tăng bình quân mỗi năm khoảng 50-70 doanh nghiệp; có 30- 40 doanh nghiệp đăng ký giải thể, khoảng 45-50 doanh nghiệp ngừng hoạt động. Tính đến nay, tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh là 3.257 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký trên 15.000 tỷ đồng. Vốn sản xuất kinh doanh hàng năm đạt 39.270 tỷ đồng, doanh thu thuần 42.100 tỷ đồng.

Hầu hết doanh nghiệp đang hoạt động của tỉnh là doanh nghiệp có quy mô nhỏ và siêu nhỏ; trong đó, doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ có 2.510 doanh nghiệp, chiếm 78,4%; doanh nghiệp có quy mô nhỏ có 647 doanh nghiệp, chiếm 20,2%; doanh nghiệp có quy mô vừa có 45 doanh nghiệp, chỉ chiếm 1,4%. Các doanh nghiệp đăng ký kinh doanh hiện nay tập trung vào các lĩnh vực: công nghiệp chế biến, nông lâm nghiệp thủy sản, chế tạo, vận tải kho bãi, thương mại, y tế, giáo dục đào tạo... Số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ đến cuối năm 2017 có 1.729 doanh nghiệp, chiếm 54% doanh nghiệp đang hoạt động; lĩnh vực công nghiệp - xây dựng có 961 doanh nghiệp, chiếm 30%; lĩnh vực nông nghiệp có 320 doanh nghiệp, chiếm 10%; số doanh nghiệp còn lại hoạt động trên các lĩnh vực khác chiếm 6%. Như vậy, phần lớn doanh nghiệp ở tỉnh ta hoạt động chủ yếu trên lĩnh vực thương mại - dịch vụ và xây dựng.

Trong thời gian gần đây, cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin, phong trào khởi nghiệp của người dân, nhất là lứa tuổi thanh niên có nhiều khởi sắc, nhiều bạn trẻ tham gia khởi nghiệp sản xuất, kinh doanh online với nhiều mô hình khá thành công, bước đầu tạo dựng được thương hiệu như các sản phẩm tinh dầu, dầu gội thảo dược, son hand make, thực phẩm; các mô hình trồng dược liệu, trang trại chăn nuôi tập trung, trang trại tổng hợp; các cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ... Khó khăn đặt ra hiện nay trong hoạt động khởi nghiệp là nhiều thanh niên, nhiều doanh nghiệp trẻ có ý tưởng tốt, có phương án đầu tư và mong muốn đầu tư phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng thiếu sự hỗ trợ, giúp đỡ của Nhà nước, công tác hướng dẫn chuẩn bị ý tưởng, xây dựng phương án, thử nghiệm các hoạt động ươm tạo ý tưởng và kiểm nghiệm tính khả thi của phương

án kinh doanh,...chưa được quan tâm và phần lớn các ý tưởng đều khó khăn về nguồn vốn để triển khai các hoạt động thử nghiệm... Để giúp các tổ chức và cá nhân khởi nghiệp thành công, cần sự hỗ trợ ban đầu của nhà nước, sự chung tay hỗ trợ của các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội trong các hoạt động xây dựng, triển khai các chương trình, chính sách, đề án hỗ trợ, đồng hành với các cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp từ khi hình thành ý tưởng, phương án khởi nghiệp cho đến khi tham gia thị trường.

Biểu 1: Số liệu thành lập mới, phá sản, ngừng hoạt động

Nội dung	ĐVT	Thực hiện 2011	Thực hiện 2012	Thực hiện 2013	Thực hiện 2014	Thực hiện 2015	Thực hiện 2016	Thực hiện 2017
Số doanh nghiệp thành lập mới	DN	333	296	331	281	280	283	303
Số doanh nghiệp phá sản, giải thể	DN	47	87	28	49	61	51	52
Số doanh nghiệp ngừng hoạt động	DN	15	17	24	59	68	73	118

Số doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động chủ yếu do hai nguyên nhân chính đó là: Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh không hiệu quả, thua lỗ kéo dài nên khó cạnh tranh được trên thị trường và do năng lực quản lý, điều hành doanh nghiệp của các cá nhân, tổ chức còn hạn chế, thiếu kinh nghiệm trong việc quản lý, điều hành doanh nghiệp làm cho tình hình kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng đi xuống và không thể phát triển. Bên cạnh đó, còn có một số nguyên nhân khác như: thiếu vốn sản xuất kinh doanh, không tìm kiếm được thị trường, không có các chiến lược để kinh doanh hiệu quả, một số doanh nghiệp trên địa bàn bị ảnh hưởng bởi chính sách tru đãi ở Khu kinh tế Thương mại đặc biệt Lao Bảo không còn nên một số doanh nghiệp gặp khó khăn, giải thể.

2. Kết quả, năng lực hoạt động và vai trò của doanh nghiệp trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Nhìn chung doanh nghiệp ở tỉnh có sự phát triển khá nhanh và về số lượng và chất lượng. Tính đến năm 2017, vốn đăng ký thành lập doanh nghiệp đạt 15.399 tỷ đồng, gấp 3,6 lần so với năm 2011. Doanh thu thuần năm 2017 đạt hơn 42.100 tỷ đồng, gấp 2,6 lần so với năm 2011. Như vậy, trong vòng 7 năm cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã lớn mạnh lên khá nhiều kể cả về quy mô doanh nghiệp và quy mô kinh doanh. Có nhiều doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, mở thêm nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện để hoạt động nhiều lĩnh vực khác nhau, đóng góp quan trọng vào tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh. Trong tổng số 3.202 doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh, có khoảng 1.653 doanh nghiệp kinh doanh có lãi chiếm 51,6%; khoảng 648 doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ chiếm khoảng 20,2%; còn lại doanh nghiệp hòa vốn chiếm 28,2%.

Cộng đồng doanh nghiệp tỉnh trong những năm qua đã đóng góp rất lớn trong việc giải quyết việc làm cho người lao động. Năm 2015 có 31.430 lao động

được sử dụng trong các doanh nghiệp, năm 2017 ước đạt 35.500 lao động. Thu nhập bình quân hàng tháng cho người lao động năm 2017 khoảng 4 triệu đồng, gấp 1,6 lần so với năm 2011. Qua đó, cộng đồng doanh nghiệp đã góp phần đảm bảo an sinh xã hội, giúp tình giải quyết tốt hơn các vấn đề an sinh xã hội như thất nghiệp, tội phạm, tệ nạn xã hội...

Tổng sản phẩm của doanh nghiệp trong tỉnh (GRDP) năm 2017 (GSS2010) đạt 8.264,9 tỷ đồng, đóng góp khoảng 47,6% GDP của tỉnh; Trong đó: Phân theo ngành nghề kinh tế: Nông, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 2.107 tỷ đồng (chiếm 25,5%); công nghiệp và xây dựng ước đạt 3.033 tỷ đồng (chiếm 36,7%); dịch vụ ước đạt 3.124 tỷ đồng (chiếm 37,8%).

Biểu 2: Số liệu đánh giá tình hình phát triển doanh nghiệp

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện 2011	Thực hiện 2013	Thực hiện 2015	Thực hiện 2017	UTH 2020
I	Số doanh nghiệp đang hoạt động	DN	1.683	2.185	2.663	3.202	4.157
-	Doanh nghiệp quy mô vừa	DN	28	30	34	45	58
-	Doanh nghiệp quy mô nhỏ	DN	374	452	537	647	840
-	Doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ	DN	1.281	1.703	2.092	2.510	3.259
II	Ngành nghề kinh doanh						
-	Thương mại - Dịch vụ	DN	909	1.180	1.438	1.729	2.245
-	Nông nghiệp	DN	168	219	266	320	416
-	Công nghiệp - Xây dựng	DN	505	656	799	961	1.247
-	Khác	DN	101	131	160	192	249
III	Vốn đầu tư						
-	Vốn đăng ký	Tỷ.đồng	4.329	6.606	8.115	15.399	20.502
-	Vốn sản xuất kinh doanh hàng năm	Tỷ.đồng	13.278	21.259	31.127	39.270	40.125
-	Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	16.214	33.487	35.830	42.100	50.445

Nguồn số liệu: Cục Thống kê tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư

Cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân đã đóng góp rất quan trọng cho nhân sách tỉnh. Tổng kinh phí thu nộp ngân sách của cộng đồng doanh nghiệp và hộ kinh doanh năm 2011 đạt 462,7 tỷ đồng, năm 2017 đạt 1.326,15 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng thu nộp ngân sách của cộng đồng doanh nghiệp và hộ kinh doanh

giai đoạn 2011 - 2017 đạt bình quân 19,2%. Đạt tỷ lệ khoảng 50 - 70% nguồn thu nội địa trên địa bàn tỉnh.

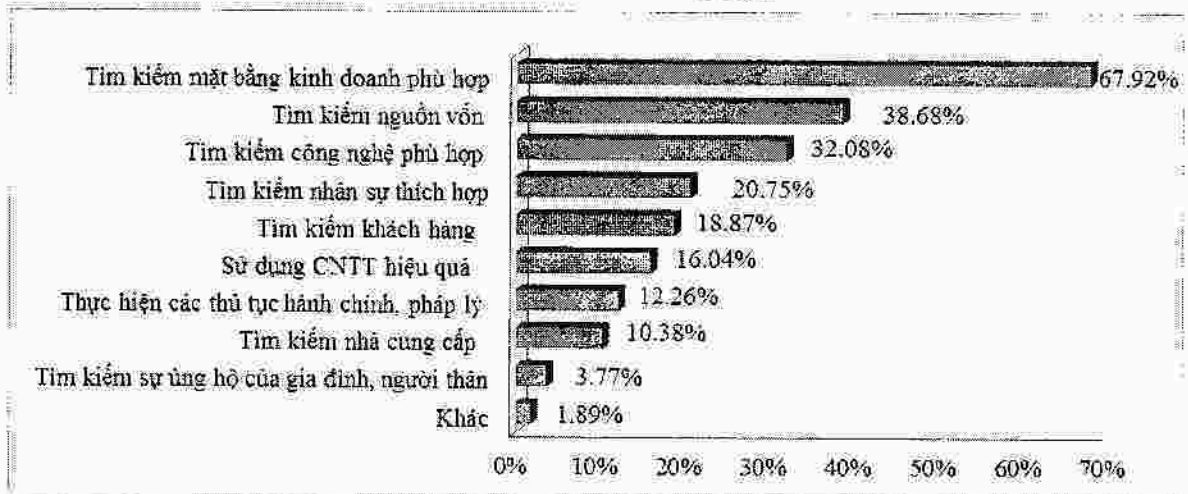
Biểu 3: Tình hình thu nộp ngân sách của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh

STT	Nội dung	ĐVT	Số nộp ngân sách						
			Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
I	Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế	DN	2.038	2.215	2.435	2.574	2.718	2.723	2.751
1	Thuế	Tỷ đồng	310,64	501,15	577,37	597,43	892,48	1.115,8	1.200,3
2	Phí	Tỷ đồng	95,89	43,31	45,74	18,48	39,99	30,54	32,34
3	Khác	Tỷ đồng	5,65	8,16	6,36	7,50	14,12	18,35	11,12
II	Hộ kinh doanh	Hộ	7.577	7.493	7.494	7.276	8.127	9.001	8.591
1	Thuế	Tỷ đồng	47,37	44,75	67,34	62,24	63,88	68,26	76,11
2	Phí	Tỷ đồng	2,18	2,38	1,83	3,14	2,65	2,58	5,99
3	Khác	Tỷ đồng	0,97	0,28	0,36	0,83	0,54	0,88	0,32
TỔNG NỘP		Tỷ đồng	462,70	600,03	699,00	689,62	1013,66	1236,40	1326,15

Nguồn số liệu: Cục Thuế tỉnh

3. Những khó khăn, thách thức hiện nay của doanh nghiệp

Hình 1: Những khó khăn của DN thường gặp



Nguồn số liệu: Điều tra, khảo sát doanh nghiệp

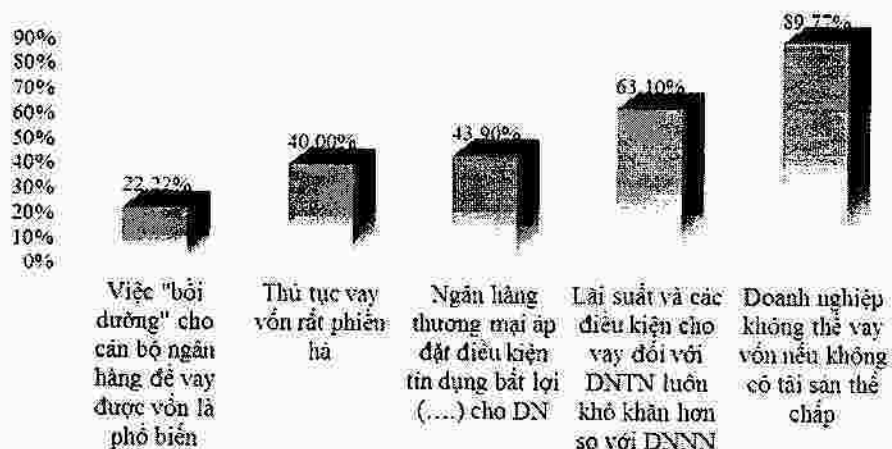
Qua công tác điều tra, khảo sát cho thấy khó khăn lớn nhất hiện nay mà doanh nghiệp tại địa bàn tỉnh gặp phải là tìm kiếm mặt bằng kinh doanh khi có đến 67,92% doanh nghiệp gặp khó khăn trong vấn đề này¹. Các doanh nghiệp cũng gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn vốn, có đến 38,68% DN gặp khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của mình. Vấn đề công nghệ cho sản xuất của tỉnh cũng là khó khăn thường trực cho các doanh nghiệp khi có đến 32,08% doanh nghiệp gặp khó khăn khi tìm kiếm công nghệ phù hợp. Vấn đề sử dụng tìm kiếm nhân sự và khách hàng cũng là các vấn đề được các doanh nghiệp đề cập đến với lần lượt là 20,75% và 18,87%. Một số khó khăn khác cũng được các doanh nghiệp đề cập đến như sử dụng công nghệ thông tin, thực hiện các thủ tục pháp lý, tìm kiếm nhà cung cấp...

- *Mặt bằng doanh nghiệp*: Nhiều doanh nghiệp có mặt bằng kinh doanh bằng cách thuê lại của cá nhân, tổ chức khác với 23,58%. Các doanh nghiệp rất ít sử dụng mặt bằng kinh doanh do nhà nước quản lý, cụ thể chỉ có 14,81% sử dụng mặt bằng kinh doanh được nhà nước cho thuê và trả tiền hàng năm; 13,58% sử dụng mặt bằng kinh doanh được nhà nước giao và có thu tiền sử dụng đất; chỉ có 8,64% doanh nghiệp sử dụng mặt bằng kinh doanh được nhà nước cho thuê dài hạn và trả tiền một lần. Phần lớn các doanh nghiệp cho rằng việc tìm kiếm mặt bằng kinh doanh, mặt bằng đặt văn phòng làm việc là khâu khó khăn trong quá trình hoạt động, chủ yếu thuê lại các hộ gia đình, thiếu tính ổn định. Đây cũng một trong những nguyên nhân chính làm cho chỉ số PCI của tỉnh đạt thấp.

- *Tình hình vay vốn*: Có đến 71,13% doanh nghiệp được hỏi là họ có vay vốn tại các ngân hàng; 21% doanh nghiệp cho biết vay dễ dàng, 65% cho biết khả năng tiếp cận vốn vay bình thường và 14% doanh nghiệp cho biết tiếp cận vốn vay khó khăn. Doanh nghiệp chủ yếu là vay ngắn hạn (86,96% DN) và vay trung hạn có 13,04% DN.

¹ Tương đồng với đánh giá của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương tại Báo cáo Một số giải pháp chính sách cắt giảm chi phí của doanh nghiệp là: "Tìm kiếm mặt bằng và xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh là khâu tốn kém và phức tạp hàng đầu đối với doanh nghiệp" và Báo cáo chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh - PCI năm 2017.

Hình 2. Đánh giá khó khăn trong vay vốn của DN



Nguồn số liệu: Điều tra, khảo sát doanh nghiệp

Trong các khó khăn khi vay vốn ngân hàng, có 89,77% doanh nghiệp được hỏi cho rằng doanh nghiệp không thể vay vốn khi không có tài sản thế chấp, có đến 63,1% doanh nghiệp cho rằng cho rằng lãi suất và các điều kiện vay của DNTN khó khăn hơn so với DNNN, 43,9% doanh nghiệp cho biết ngân hàng thương mại áp dụng điều kiện tín dụng bất lợi cho doanh nghiệp. Trong 3 vấn đề nổi cộm về tình hình vay vốn thì tồn tại việc các ngân hàng áp đặt các điều kiện bất lợi cho doanh nghiệp và có sự không công bằng giữa DNTN và DNNN. Đây là vấn đề tinh cần có biện pháp chấn chỉnh để đảm bảo môi trường kinh doanh công bằng của tỉnh.

Trong trường hợp không vay được vốn từ ngân hàng, doanh nghiệp thường vay mượn từ người thân, bạn bè (48,11%), các doanh nghiệp ở tỉnh thường ít sử dụng các phương pháp vay tín dụng đen và từ cán bộ ngân hàng không qua thủ tục (dưới 5%).

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP, GIAI ĐOẠN 2011 - 2017

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

1.1. Về ban hành nghị quyết, chương trình hành động, văn bản chỉ đạo:

- Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 15/4/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh CCHC, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2016-2020 và Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 11/12/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Khóa XV) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đẩy mạnh CCHC trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014-2020;

- Chương trình hành động số 92-CTHĐ/TU ngày 17/10/2017 của Tỉnh ủy về Chương trình hành động về thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;

- Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 của HĐND tỉnh về quy định chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2017-2025;

- Nghị quyết số 12b/2004/NQ-HĐ ngày 15/3/2004 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Thông qua cơ chế chính sách khuyến khích phát triển sản xuất tiêu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn (có hiệu lực đến khi NQ 09/2014/NQ-HĐND của HĐND tỉnh được ban hành);

- Nghị quyết số 09/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh ban hành chính sách khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Quyết định 39/2016/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của UBND tỉnh về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Quyết định số 2057/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của UBND tỉnh V/v ban hành kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2020;

- Chương trình hành động số 2062a/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020;

- Kế hoạch hành động số 2241/KH-UBND ngày 14/6/2016 và số 1008/KH-UBND ngày 21/3/2017 về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Quảng Trị về thực hiện Nghị quyết 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 và Nghị quyết 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ;

- Công văn số 1617/UBND-TH ngày 19/5/2016 của UBND tỉnh về 9 cam kết của Chủ tịch UBND tỉnh với các nhà đầu tư tại Hội nghị xúc tiến và quảng bá đầu tư năm 2016 của tỉnh; Bản cam kết của Chủ tịch UBND tỉnh với Chủ tịch VCCI Việt Nam về tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp.

- Công văn số 5399/UBND-TH ngày 26/10/2017 của UBND tỉnh về cải thiện điểm số chi phí không chính thức góp phần cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2017-2020.

1.2. Về công tác cải cách hành chính: Trong những năm qua, tỉnh Quảng Trị đã tích cực rà soát, đánh giá, cắt giảm các thủ tục hành chính không cần thiết. Riêng năm 2017, Tỉnh đã ban hành 25 quyết định, công bố 934 thủ tục hành chính; trong đó, ban hành mới 222 thủ tục, sửa đổi, bổ sung 293 thủ tục, giữ nguyên 01 thủ tục, bãi bỏ 05 thủ tục 3 cấp; 100% thủ tục hành chính sau khi công bố đều được cập nhật, đăng tải công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính. Ngoài công khai bắt buộc bằng hình thức niêm yết TTHC tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp tiếp nhận, giải quyết TTHC và đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC. Chất lượng giải quyết thủ tục hành chính đã mang lại kết quả khả quan, việc giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo thuận lợi, kiểm soát được số lượng hồ sơ nhận, trả và tiến độ, quy trình xử lý hồ sơ của CBCC, giảm thiểu tình trạng tồn đọng, kéo dài, số lượng hồ sơ trả đúng hạn đạt tỷ lệ cao hơn 80%.

Tỉnh cũng đã thông qua phương án đơn giản hóa đối với 13 thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, cắt giảm từ 20 - 50% thời gian giải

quyết và từ 30 - 73% chi phí khi thực hiện thủ tục hành chính.

1.3. Về rà soát, bổ sung và ban hành mới các quy hoạch: giai đoạn 2011 - 2017, đã rà soát, bổ sung, ban hành mới nhiều dự án quy hoạch quan trọng, có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như: Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020; quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam tỉnh Quảng Trị đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050; quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến 2030...; quy hoạch xây dựng 1/2000 các phân khu đô thị và các quy hoạch ngành, lĩnh vực khác... Các quy hoạch được lập mới, điều chỉnh bổ sung giai đoạn 2011 - 2017 được nâng cao chất lượng, có tính khả thi cao hơn; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, các nhà đầu tư tiếp cận, tìm hiểu, nghiên cứu các cơ hội đầu tư trên địa bàn tỉnh.

1.4. Về tiếp cận đất đai: Chỉ số Tiếp cận đất đai đã có sự cải thiện đáng kể, nhờ việc duy trì tốt hoạt động tiếp nhận và giao trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế 1 cửa, một cửa liên thông. Duy trì 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 và 2; triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 theo đúng lộ trình quy định. Thực hiện việc cắt giảm tối thiểu 50% thời gian giải quyết theo cam kết của Lãnh đạo UBND tỉnh với các nhà đầu tư. Tăng cường đổi mới công tác thẩm định, rút ngắn thời gian thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (từ 50 ngày xuống còn 40 ngày); rút ngắn thời gian thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược từ 45 ngày xuống còn 30 ngày; rút ngắn thời gian thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trong hoạt động khai thác khoáng sản từ 50 ngày xuống còn 45 ngày nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho doanh nghiệp hoàn thành thủ tục đầu tư. Thực hiện tốt các quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư trên địa bàn tỉnh một cách công khai, minh bạch, công bằng và kịp thời.

Biểu 4: Tình hình giao đất thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Số dự án được cấp phép	Dự án	6	19	10	17	24	15	52
2	Diện tích đất được cấp theo chủ trương đầu tư	Ha	47	394,7	793,2	287,3	446,8	833,8	1352,9
3	Diện tích cấp đất cho nhà đầu tư trên thực địa	Ha	45,9	352,2	27,0	171,4	66,0	10,6	11,0
4	Tỷ lệ cấp đất	%	97,7	89,2	3,4	59,7	14,8	1,3	0,8

Nguồn số liệu: Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Kế hoạch và Đầu tư

1.5. Về tiếp cận các chính sách hỗ trợ tại tỉnh.

Đánh giá khả năng tiếp cận các văn bản pháp luật cấp tỉnh: 32,94% doanh

ngành cho rất dễ tiếp cận: 42,35% doanh nghiệp là có thể tiếp cận; 18,82% doanh nghiệp cho rằng khó có thể tiếp cận và 5,88% doanh nghiệp cho biết là không thể tiếp cận. Về tiếp cận các thông tin về chính sách ưu đãi đầu tư của tỉnh như sau: các doanh nghiệp cho biết có 4,76% doanh nghiệp cho biết rất dễ; 13,1% doanh nghiệp cho biết dễ tiếp cận; 44,05% doanh nghiệp có thể tiếp cận; 23,81% doanh nghiệp có thể, nhưng khó tiếp cận và 14,29% doanh nghiệp cho biết là không thể tiếp cận.

Điều này cho thấy rằng việc tiếp xúc với các văn bản pháp luật cấp tỉnh là tương đối dễ tiếp cận, trong khi đó các chính sách ưu đãi đầu tư tại tỉnh vẫn chưa dễ dàng tiếp cận, rất dễ và dễ với một số ít doanh nghiệp, trong khi lại khó và không thể tiếp cận với một số doanh nghiệp khác. Một nguyên nhân đến từ cách cung cấp thông tin về chính sách cho doanh nghiệp khi có đến gần 67,35% doanh nghiệp cho biết họ cần có mối quan hệ với cơ quan nhà nước để tiếp cận các thông tin, đây là tỷ lệ tương đối cao. Bên cạnh đó, khi xem xét chỉ tiêu “Tiếp cận tài liệu pháp lý” tỉnh đạt 3,05 điểm thấp hơn trung vị là 3,1 xếp thứ 48 điều đó có nghĩa là việc tiếp cận tài liệu pháp lý tại tỉnh khó khăn hơn mặt bằng chung của cả nước, ngoài ra chỉ tiêu “cần có “mối quan hệ” để có được các tài liệu của tỉnh” đạt 67,35%, có thể thấy rằng việc tiếp cận các tài liệu chính sách của tỉnh còn khó khăn so với mặt bằng chung của toàn quốc, do đó tỉnh cần có các biện pháp để minh bạch và công khai các tài liệu chính sách hỗ trợ cho hoạt động của doanh nghiệp.

Tỷ lệ doanh nghiệp đã tham dự các chương trình hỗ trợ, tư vấn miễn phí cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp mới thành lập là chưa nhiều chỉ có 21,11%. Nguyên nhân chủ yếu mà doanh nghiệp chưa từng tham gia các chương trình hỗ trợ, tư vấn này là tại tỉnh chưa có chương trình nào như vậy để tham gia (38,68%), bên cạnh đó nhiều lý do doanh nghiệp đưa ra như không có thời gian tham gia các hoạt động: 17,92%, nội dung chương trình không có lợi gì cho doanh nghiệp 6,25%, không biết thông tin,... có đến 69,7% doanh nghiệp trả lời sẵn sàng tham gia nếu tỉnh có chương trình hỗ trợ. Điều đó cho thấy tỉnh vẫn còn thiếu các chương trình hỗ trợ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, đây là lĩnh vực tỉnh cần phải đẩy mạnh vừa để phát triển lực lượng doanh nghiệp của địa phương cũng như thực hiện chủ trương của Chính phủ.

2. Thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp doanh nghiệp.

- **Hỗ trợ đầu tư:** Để kịp thời hỗ trợ, thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư trên địa bàn tỉnh, trong những năm qua tỉnh đã ban hành chính sách riêng để hỗ trợ, ưu đãi cho các nhà đầu tư đáp ứng đủ điều kiện. Từ năm 2011 - 2017, tỉnh đã bố trí ngân sách để hỗ trợ kịp thời cho nhiều nhà đầu tư với tổng kinh phí hơn 17,5 tỷ đồng. Riêng năm 2017, UBND tỉnh cấp ưu đãi đầu tư cho 06 dự án, với kinh phí hỗ trợ 8.000 triệu đồng theo Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 21/9/2016.

Biểu 5: Tình hình hỗ trợ ưu đãi đầu tư theo chính sách của tỉnh

Nội dung	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Tổng 2011 - 2017
Số dự án được cấp phép đầu tư	Dự án	11	28	27	29	35	41	52	223
Số dự án thuộc đối tượng ưu đãi đầu tư	Dự án	8	25	19	24	20	32	41	169
Số dự án được hỗ trợ	Dự án	3	3	1	3	1	2	6	19
Số kinh phí tỉnh đã hỗ trợ	Triệu đồng	2.373	1.637	1.000	1.999	500	2.000	8.000	17.509

Nguồn số liệu: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Ngoài ra, các dự án đầu tư thuộc đối tượng ngành nghề hoặc địa bàn ưu đãi cũng được áp dụng các chính sách miễn giảm tiền thuê đất, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất nhập khẩu, giảm tiền ký quỹ đảm bảo đầu tư... theo quy định của pháp luật hiện hành.

Mặc dù chính sách hỗ trợ theo Quyết định 39/2016/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của UBND tỉnh đã góp phần thu hút đầu tư vào tỉnh. Tuy nhiên, một số nội dung hỗ trợ quy định chưa đủ sức thu hút đối với nhà đầu tư và Ngân sách địa phương sẽ khó đáp ứng nếu có nhiều nhà đầu tư đến đầu tư và yêu cầu được ưu đãi, hỗ trợ.

- Lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn: Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích DN đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. tỉnh Quảng Trị đã có 02 DN được thụ hưởng chính sách này với tổng kinh phí hỗ trợ 9.625 triệu đồng.² Đề án phát triển Nông nghiệp công nghệ cao giai đoạn 2011 - 2017 của thành phố Đông Hà đã hỗ trợ cho 26 dự án với tổng nguồn vốn 745 triệu đồng.

- Lĩnh vực Công Thương: Số lượng DN được hỗ trợ kinh phí khuyến công năm 2017 là 29 cơ sở, trong đó kinh phí khuyến công tỉnh hỗ trợ 26 cơ sở, chi phí khuyến công quốc gia hỗ trợ 3 cơ sở. Tổng kinh phí hỗ trợ 3.592 triệu đồng (trong đó kinh phí khuyến công tỉnh: 1.092 triệu đồng, kinh phí khuyến công quốc gia: 2.500 triệu đồng).

² Công ty cổ phần chế biến tinh bột sắn An Thái (huyện Cam Lộ), ngân sách hỗ trợ: 6.235 triệu đồng, trong đó: NS địa phương: 1.235 triệu đồng; NSTW 5.000 triệu đồng và Công ty TNHH MTV Tân Triều T&P, ngân sách hỗ trợ 3.390 triệu đồng, trong đó: NS địa phương 690 triệu đồng, NSTW 2.700 triệu đồng (chưa được bố trí hỗ trợ).

Ngoài hoạt động về khuyến công, tỉnh còn tổ chức tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia và sử dụng các sản phẩm giải pháp thương mại điện tử với 262 doanh nghiệp được hỗ trợ với tổng kinh phí là 636 triệu đồng. Các hoạt động về xúc tiến thương mại cũng được tỉnh rất chú trọng, cụ thể đã tổ chức các đoàn tham gia hội chợ thương mại tại các tỉnh: Thừa Thiên Huế, Phú Yên, Quảng Bình, Nghệ An, Quảng Nam, Hà Nội, Tp. HCM, các nước Lào, Campuchia... Tổ chức 11 phiên chợ đưa hàng Việt Nam đến các khu vực nông thôn các huyện Triệu Phong, Gio Linh, Vĩnh Linh, Hải Lăng, Cam Lộ và 03 phiên chợ đưa hàng hóa về miền núi các huyện Đakrông và Hướng Hóa; bình quân mỗi phiên chợ có 15-20 doanh nghiệp tham gia với quy mô 20-25 gian hàng. Tổ chức tốt gian hàng chung của tỉnh tham gia Hội chợ Công Thương miền Trung - Tây Nguyên - Nhịp cầu Xuyên Á - Quảng Trị 2015 giới thiệu những thành tựu về kinh tế, xã hội, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh với các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh; đồng thời góp phần quảng bá thương hiệu, sản phẩm hàng hóa của tỉnh. Tổ chức cho một số doanh nghiệp tham gia đoàn khảo sát thị trường, chính sách phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn, tiêu thụ hàng hóa tại một số tỉnh của Lào, Thái Lan cho các doanh nghiệp, cán bộ làm công tác xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh... Tiến hành hướng dẫn xây dựng Tiêu chuẩn cơ sở cho các doanh nghiệp kinh doanh vàng, trang sức mỹ nghệ, hướng dẫn xây dựng Tiêu chuẩn cơ sở về bún sạch và miến... Duy trì, phát triển hoạt động Website Công Thương Quảng Trị, Website Khuyến công; hỗ trợ cho 30 doanh nghiệp thiết kế và xây dựng mới Website.

Trong giai đoạn 2009-2015, tỉnh đã đầu tư vào các khu công nghiệp 101.612 triệu đồng, trong đó nguồn vốn TW hỗ trợ có mục tiêu là 87.000 triệu đồng và nguồn vốn địa phương là 14.412 triệu đồng; đầu tư vào các cụm công nghiệp là 42.598 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 34.598 triệu đồng và ngân sách địa phương 8.000 triệu đồng.

- **Hỗ trợ đào tạo nhân lực cho Doanh nghiệp:** Hàng năm, tỉnh bố trí kinh phí 2-3 tỷ đồng hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động trên địa bàn tỉnh bao gồm cả nghề nông nghiệp, phi nông nghiệp. Chỉ đạo các cơ sở đào tạo nghề phối hợp với các doanh nghiệp (đặc biệt là các DN sử dụng nhiều lao động) tuyển sinh, đào tạo, sát hạch và tuyển dụng lao động vào làm việc tại các doanh nghiệp.

Biểu 6: Tình hình hỗ trợ đào tạo lao động giai đoạn 2011- 2017

Năm	Nội dung hỗ trợ	Phương thức hỗ trợ	Số DN được hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)
Năm 2011	Hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho lao động theo QĐ 1956	Tiền	01	50
Năm 2012	Hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho lao động theo QĐ 1956	Tiền	02	133
	Theo chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh (Quyết định 1099/QĐ-UBND ngày 08/6/2009)	Tiền	01	147

Năm 2013	Hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho lao động theo QĐ 1956	Tiền	01	238
Năm 2014	Hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho lao động theo QĐ 1956	Tiền	02	148,2
Năm 2015	Hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho lao động theo QĐ 1956	Tiền	03	328
Năm 2016	Hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho lao động theo QĐ 1956	Tiền	02	630
Năm 2017	Hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho lao động theo QĐ 1956	Tiền	02	780
Tổng số			14	2.454,2

Nguồn số liệu: Sơ Lao động - Thương binh và Xã hội

- Hỗ trợ ứng dụng tiên bộ khoa học, công nghệ:

Tỉnh đã có những hoạt động nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tại địa phương ứng dụng tiên bộ khoa học, công nghệ. Từ năm 2012-2015, đã có 27 lượt DN/hộ SXKD đã được hỗ trợ đổi mới công nghệ và hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng vào hoạt động. Thực hiện chương trình “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của DN Quảng Trị giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020” triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong các DN của tỉnh Quảng Trị³, xây dựng hệ thống quản trị DN điện tử, hệ quảng bá sản phẩm trực tuyến; phần mềm quản lý nhân sự trực tuyến. Hỗ trợ DN nhỏ và vừa ứng dụng CNTT trong kinh doanh thương mại điện tử thông qua mô hình Cổng thông tin DN nhỏ và vừa Quảng Trị tại địa chỉ www.quangtrisme.vn, hệ thống thư điện tử hỗ trợ DN tại địa chỉ www.mail.quangtrisme.vn.

Tỉnh đã hỗ trợ các cá nhân, tổ chức lập thủ tục hồ sơ xác lập quyền sở hữu công nghiệp toàn tỉnh cho 113 sản phẩm đăng ký nhãn hiệu và đã có văn bằng được bảo hộ, trong đó chủ yếu là hình thức đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp và tên thương mại.

Tính đến 2017, tỉnh hỗ trợ 45 doanh nghiệp với số tiền là 1.730 triệu đồng theo Quyết định số 1718/QĐ-UBND ngày 09/9/2008 của UBND tỉnh v/v phê duyệt kế hoạch và phương thức hỗ trợ cải tiến, đổi mới công nghệ, tiết kiệm năng lượng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2010 và Quyết định số 1439/QĐ-UBND ngày 20/7/2011 về việc Ban hành Quy định về thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về đổi mới, ứng dụng tiên bộ khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ và xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Đã thành lập và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo Quyết định số 2838/QĐ-UBND ngày 07/11/2016

³ Trong đó, đã tư vấn cho 06 DN lựa chọn giải pháp công nghệ thông tin và hỗ trợ kết nối mạng LAN; hỗ trợ 06 DN thiết kế website; triển khai chuyên gia các sản phẩm của dự án cho 06 DN; đào tạo nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT cho 160 học viên là cán bộ lãnh đạo, nhân viên của các DN.

của UBND tỉnh và đã hỗ trợ cho vay 9 dự án với tổng số tiền 3,450 tỷ đồng cho các doanh nghiệp mạnh dạn ứng dụng công nghệ vào sản xuất.

Biểu 7: Tình hình hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ

STT	Nội dung	Phương thức hỗ trợ	Số Doanh nghiệp được hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ (Triệu đồng)						
				TH 2011	TH 2012	TH 2013	TH 2014	TH 2015	TH 2016	UTH 2017
1	Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, đăng ký nhãn hiệu thông thường	Tư vấn về thủ tục hồ sơ	70	0	0	0	0	0	0	0
2	Hỗ trợ thiết lập chỉ dẫn địa lý	Tư vấn về thủ tục hồ sơ, tiền	1	174						0
3	Hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận	Tư vấn về thủ tục hồ sơ, tiền	21	0	0	0	0	0	152,2	212,8
Tổng số			91	174					152,2	212,8

Biểu 8: Tình hình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, quản lý chất lượng

STT	Nội dung	Phương thức hỗ trợ	Số Doanh nghiệp được hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ (Triệu đồng)						
				TH 2011	TH 2012	TH 2013	TH 2014	TH 2015	TH 2016	UTH 2017
1	Đổi mới công nghệ	Tư vấn và tiền	32	0	300	200	350	357	0	167
2	Quản lý chất lượng	Tư vấn và tiền	18							

Nguồn số liệu: Sở Khoa học và Công nghệ

- **Hỗ trợ pháp lý:** Tổ chức phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật, nhất là các Bộ luật: Doanh nghiệp, Đầu tư, Đầu tư công, Tổ tụng hành chính, Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, bảo vệ môi trường, Luật Quản lý thuế v.v... Hàng

năm tổ chức các hội nghị bồi dưỡng kiến thức pháp luật; đối thoại, gặp mặt DN của tỉnh và trong từng sở ngành nhằm bồi dưỡng kiến thức pháp luật, hội nhập kinh tế quốc tế và giải đáp các vướng mắc cho DN thuộc nhiều lĩnh vực pháp luật. Trong đó, ngành Thuế tỉnh Quảng Trị đã thực hiện hỗ trợ pháp lý thông qua hình thức đối thoại cho trên 15.000 lượt DN, giải đáp trên 2.000 câu hỏi; tư vấn, giải đáp trực tiếp, quan điện thoại hơn 3.000 cuộc; cấp phát trên 15.000 tờ rơi, văn bản về chính sách cho DN. Thường xuyên phối hợp với Đài phát thanh và Truyền hình, Báo Quảng Trị xây dựng chuyên mục "Thuế và cuộc sống" tuyên truyền chính sách pháp luật thuế mới, các hoạt động của cơ quan Thuế các cấp và phản ánh tình hình SXKD cũng như chấp hành chính sách thuế của người nộp thuế. Thường xuyên cập nhật kiến thức về chính sách pháp luật thuế nói riêng và các chính sách xã hội khác có liên quan nói chung, nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, giải thích, trả lời chế độ chính sách pháp luật thuế cho các báo cáo viên nhằm đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ công tác tuyên truyền hỗ trợ cho người nộp thuế.

- **Hỗ trợ khác:** Ngoài các chính sách hỗ trợ trên, trong thời gian qua, lãnh đạo tỉnh còn chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân trong quá trình đầu tư, sản xuất kinh doanh vào tỉnh như: 9 cam kết của chủ tịch UBND tỉnh về xúc tiến, thu hút đầu tư; chủ trương giới hạn nhà đầu tư tiếp cận nguồn nguyên liệu như cà phê, sắn, cao su, dăm gỗ... sản xuất trong tỉnh.

Nhìn chung, công tác hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trong thời gian qua đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền các cấp. Trong giai đoạn 2011-2017 đã có 645 doanh nghiệp được thụ hưởng chính sách hỗ trợ của tỉnh, tổng kinh phí đã hỗ trợ trong giai đoạn 2011-2017 đạt 39.296,2 triệu đồng, trong đó, ngân sách địa phương 31.996,2 triệu đồng, NSTW 7.300 triệu đồng, chưa tính phần ngân sách hỗ trợ đầu tư vào các Khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân trong công tác quản lý nhà nước.

Công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước trong thời gian qua đã có nhiều cố gắng, tư duy quản lý dần có sự thay đổi theo chiều hướng tạo điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp, khởi nghiệp, nhất là trong công tác cải cách thủ tục hành chính. Tuy nhiên, công tác quản lý nhà nước vẫn còn một số hạn chế, bất cập đó là:

- Nhận thức, tư duy về quản lý doanh nghiệp trong một bộ phận CB-CC nhà nước, chậm được đổi mới, chưa thấy được hết ý nghĩa, tầm quan trọng và đòi hỏi cấp bách của việc tháo gỡ những cản trở, vướng mắc cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp để phát huy mạnh mẽ tiềm năng sức mạnh vật chất, tinh thần của doanh nghiệp cho mục tiêu phát triển. Biểu hiện của tư duy này là nặng về quản lý, ban ơn, doanh nghiệp là đối tượng phục vụ...

- Các chính sách hỗ trợ của tỉnh còn thiếu tính hệ thống, manh mún theo từng nhiệm vụ của các Sở, ngành, địa phương; chủ yếu biên soạn dựa trên các hướng dẫn của các Bộ, ngành TW mà ít có các chính sách đặc thù, riêng có của địa phương. Chưa có các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực khởi

nghiệp, du lịch; kết nối tổ chức tín dụng...

- Nhiều chính sách hỗ trợ chỉ dừng lại ở những quy định mang tính khuyến khích chung chung, chưa có những quy định ưu đãi rõ ràng về thủ tục, quy trình cụ thể để được hỗ trợ.

- Một số chính sách hỗ trợ DN do Quốc hội, Chính phủ ban hành chưa được tỉnh áp dụng hoặc áp dụng không đáng kể như: Nghị định số 138/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28/8/2007 về tổ chức và hoạt động của quỹ đầu tư phát triển địa phương; Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số 56/2009/NĐ-CP, ngày 30/6/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển DNNVV; Nghị định 65/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 về chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trồng nuôi trồng, khai thác dược liệu; Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Kinh phí dành cho công tác hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp được bố trí hàng năm không đáng kể. Hiện Quảng Trị là một trong số rất ít tỉnh chưa thành lập Quỹ Đầu tư phát triển và cũng là tỉnh chưa thành lập Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DN nhỏ và vừa theo Nghị định 56/2009/NĐ-CP về trợ giúp DN nhỏ và vừa.

- Chưa hình thành được cơ sở dữ liệu chuẩn về các thông tin hỗ trợ doanh nghiệp. Các thông tin về các chính sách ưu đãi đầu tư và hỗ trợ DN do Quốc hội, Chính phủ, của Tỉnh ban hành; các điều kiện, thủ tục để được hưởng ưu đãi, đầu tư, ít được cập nhật lên các trang thông tin điện tử của UBND và các cơ quan chuyên ngành của tỉnh. Đây có thể là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến việc các chính sách ưu đãi, đầu tư, hỗ trợ DN chưa đến được với phần lớn các DN trên địa bàn tỉnh.

Các cơ quan trong tỉnh cũng chưa phát hành cẩm nang hỗ trợ DN cung cấp các thông tin hỗ trợ DN trong lĩnh vực cơ quan phụ trách.

- Chưa tạo được quỹ đất sạch để cho doanh nghiệp triển khai thực hiện dự án đầu tư (chỉ có một số diện tích đất tại các khu, cụm công nghiệp đã được đầu tư hạ tầng kỹ thuật, mặt bằng). Vì vậy doanh nghiệp, nhà đầu tư phải tự thỏa thuận với người sử dụng đất nên chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng cao, mất nhiều thời gian ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện dự án đầu tư.

- Các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp ở tỉnh còn hạn chế. Theo công bố của VCCI năm 2016 thì chỉ số này chỉ đạt 4,47 điểm, xếp hạng thứ 61/63 tỉnh. Điều này cho thấy đây là vấn đề các doanh nghiệp chưa hài lòng về các dịch vụ ở tỉnh. Theo thống kê, tỷ lệ các doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ hỗ trợ là rất thấp đặc biệt là dịch vụ xúc tiến thương mại 7,14%, dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh 15,28%, dịch vụ liên quan đến công nghệ 22,54%.

Những tồn tại, hạn chế nêu trên có nhiều nguyên nhân, song một trong những nguyên nhân chủ quan từ phía chính quyền là do nhận thức về vị trí, vai trò của doanh nghiệp chậm đổi mới theo hướng nhà nước kiến tạo, đồng hành, phục vụ người dân, doanh nghiệp. Do đó, sự quan tâm của các cấp, các ngành, địa phương trong công tác hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp chưa đầy đủ, chưa

kip thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; việc triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp có lúc, có nơi còn cứng nhắc, chưa linh hoạt, sáng tạo nên hiệu quả chưa cao. Công tác cải cách thủ tục hành chính tuy đã được kết quả tích cực; song, có lúc, có việc vẫn còn có biểu hiện gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp; một bộ phận cán bộ, công chức trong quá trình thực thi nhiệm vụ còn thiếu kinh nghiệm, tinh thần trách nhiệm chưa cao, hạn chế về trình độ, chưa đáp ứng được yêu cầu công việc; sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp còn chưa thực sự chặt chẽ; kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất kinh doanh chưa được đầu tư đồng bộ; một số quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất chưa thông nhất. Ngân sách tỉnh còn khó khăn nên chưa thành lập được các quỹ hỗ trợ doanh nghiệp theo quy định.

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân từ phía doanh nghiệp

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, cộng đồng doanh nghiệp ở tỉnh vẫn còn những tồn tại, hạn chế, đó là:

- Doanh nghiệp của tỉnh chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ; tỷ lệ doanh nghiệp/vạn dân còn thấp so với trung bình cả nước và một số tỉnh trong khu vực; địa bàn và lĩnh vực ngành, nghề kinh doanh phát triển không đồng đều, doanh nghiệp tập trung ở địa bàn vùng đồng bằng và hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng, dịch vụ, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến còn ít, nhất là trong lĩnh vực chế biến nông, lâm nghiệp và thủy sản.

- Phần lớn doanh nghiệp của tỉnh chưa quan tâm đến việc xây dựng thương hiệu sản phẩm và nghiên cứu thị trường, còn phụ thuộc nhiều vào thị trường tại chỗ; nhiều doanh nghiệp chưa xây dựng được chiến lược, kế hoạch kinh doanh. Hệ thống báo cáo tài chính của nhiều doanh nghiệp phản ánh chưa chính xác, chưa được kiểm toán theo quy định; tình trạng thu chi ngoài sổ sách và việc luân chuyển bằng tiền mặt trong quan hệ kinh tế vẫn còn tồn tại, dẫn đến các tổ chức tín dụng khó kiểm soát dòng tiền, ảnh hưởng đến quan hệ giao dịch tín dụng giữa doanh nghiệp với các tổ chức tín dụng.

- Năng lực tài chính, trình độ quản trị doanh nghiệp, kiến thức hội nhập quốc tế, sự am hiểu pháp luật, nhận thức về văn hóa kinh doanh, trách nhiệm với xã hội, cộng đồng của một bộ phận doanh nhân còn hạn chế. Hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh sản phẩm của doanh nghiệp chưa cao, nhất là các sản phẩm công nghiệp; các sản phẩm mới, sản phẩm có hàm lượng khoa học - công nghệ cao còn ít; sản xuất hàng tiêu dùng, công nghiệp phụ trợ chậm phát triển; các dịch vụ cao cấp, chất lượng cao phát triển chưa mạnh.

- Một số doanh nhân còn mang nặng tâm lý sản xuất nhỏ, lẻ; tính liên kết, hợp tác kinh doanh quy mô lớn nhằm tham gia chuỗi giá trị còn chưa có nhiều. Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia vào các hiệp hội doanh nghiệp còn thấp; cấu lạc bộ doanh nghiệp, doanh nhân chậm phát triển; các hội, hiệp hội doanh nghiệp còn chưa phát huy hết vai trò đối với các hội viên.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG, GIẢI PHÁP HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP, KHỞI NGHIỆP DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2018 - 2021

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Thay đổi tư duy trong toàn bộ hệ thống chính trị theo hướng xây dựng bộ máy chính quyền kiến tạo, lấy việc hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp làm chủ đạo, thay cho tư duy quản lý doanh nghiệp. Đột phá trong công tác cải cách hành chính; tập trung chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật trong cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh. Tạo lập môi trường đầu tư sản xuất kinh doanh thông thoáng, minh bạch thông qua việc nghiêm túc triển khai thực hiện các Nghị quyết 19 và Nghị quyết 35 của Chính phủ về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và phát triển doanh nghiệp, tạo điều kiện doanh nghiệp tư nhân phát triển.

- Dành một phần kinh phí thích đáng từ nguồn ngân sách tỉnh để hỗ trợ doanh nghiệp phát triển về cả số lượng cũng như chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh; giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập của người lao động.

- Thúc đẩy mạnh mẽ tinh thần khởi nghiệp bằng nhiều hình thức; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng thuận lợi, công bằng, an toàn, thân thiện và tự do sáng tạo cho doanh nghiệp khởi nghiệp; quan tâm hỗ trợ các hộ kinh doanh cá thể chuyển sang hoạt động theo hình thức doanh nghiệp, doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

- Các giải pháp, nội dung hỗ trợ phải sát đúng với những khó khăn, vướng mắc mà doanh nghiệp đang gặp phải, hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm và phát huy hiệu quả.

2. Mục tiêu tổng quát

Môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng được cải thiện, Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhận được nhiều hơn sự quan tâm, hỗ trợ, cùng đồng hành từ các cấp ủy, chính quyền các cấp; những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp được giải quyết kịp thời; kiến tạo một môi trường khởi nghiệp thuận lợi, đưa cộng đồng doanh nghiệp tỉnh phát triển nhanh, bền vững cả về số lượng và chất lượng; xây dựng đội ngũ doanh nhân ngày càng lớn mạnh, có trách nhiệm với xã hội, có đạo đức văn hóa kinh doanh.

3. Mục tiêu cụ thể

- Số lượng doanh nghiệp thành lập mới tăng bình quân 9 - 10%/năm và đạt khoảng 4.500 doanh nghiệp đang hoạt động vào năm 2021.

- Hàng năm, bố trí 4-5 tỷ đồng từ nguồn ngân sách tỉnh để hỗ trợ doanh nghiệp.

- 100% mô hình khởi nghiệp sáng tạo, mô hình liên kết chuỗi giá trị được tỉnh hỗ trợ.

- 100% các kiến nghị về vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền xử lý của các cấp, các ngành thuộc tỉnh được chỉ đạo giải quyết kịp thời.

- Hướng dẫn, hỗ trợ 100% doanh nghiệp (nộp hồ sơ đề xuất) đủ điều kiện được thụ hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Chính phủ và của tỉnh ban hành.

- Phân đầu trung bình mỗi năm thu hút được 5 -10 dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao và du lịch có quy mô vốn đầu tư từ 50 tỷ đồng trở lên.

III. NỘI DUNG, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP, KHỞI NGHIỆP DOANH NGHIỆP ĐẾN NĂM 2021

1. Nhóm giải pháp chung

1.1. Hỗ trợ cung cấp thông tin

a) Triển khai xây dựng chính quyền điện tử, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chính thống, kịp thời cập nhật, công khai minh bạch trên trang thông tin điện tử của tỉnh, các Sở, Ban, ngành và địa phương;

b) Xây dựng, vận hành hiệu quả trang, cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp, khởi nghiệp; chia sẻ thông tin hỗ trợ doanh nghiệp trên các mạng xã hội như: Các Văn bản quy phạm pháp luật nhà nước mới ban hành; các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của Trung ương và địa phương; Công nghệ, sáng chế, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ; Nhu cầu thị trường; Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm trong nước và quốc tế; thông tin KT-XH, đầu tư công của tỉnh; Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch các ngành, lĩnh vực; quy hoạch khoáng sản; Đào tạo nguồn nhân lực; Nguồn đầu tư và giao dịch đầu tư; tìm kiếm đối tác, khách hàng; Tư vấn thành lập doanh nghiệp, xây dựng phương án đầu tư, kinh doanh; Xây dựng, phát triển thương hiệu, sở hữu trí tuệ; Hỗ trợ các hoạt động liên quan đến khuyến nông, khuyến công; Quảng bá sản phẩm, xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường; Hỗ trợ kết nối với các nhà đầu tư, các doanh nghiệp cùng tham gia phát triển ý tưởng, phương án khởi nghiệp...

- *Nguồn kinh phí thực hiện:* Ngân sách tỉnh bố trí từ nguồn chi phí sự nghiệp thông tin truyền thông hàng năm.

- *Dự kiến kinh phí thực hiện:* 100 triệu đồng/năm (bao gồm cả nâng cấp cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp, khởi nghiệp).

- *Đơn vị chủ trì:* Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Tin học tỉnh).

1.2. Hỗ trợ tư vấn pháp lý

a) Xây dựng mạng lưới cộng tác viên tư vấn pháp luật trên các lĩnh vực như: thuế, bảo hiểm, hợp đồng, đất đai, môi trường, giải quyết tranh chấp, về đầu tư và chính sách đầu tư của tỉnh cho doanh nghiệp... với thành phần là đại diện các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện. Doanh nghiệp được miễn chi phí tư vấn khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên.

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hỗ trợ pháp lý để cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp.

- *Dự kiến kinh phí thực hiện:* 150 triệu đồng/năm.

- *Nguồn kinh phí thực hiện:* Ngân sách tỉnh bố trí.

- Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

1.3. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng phát triển nhân lực

1.3.1. Hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực quản trị cho đội ngũ doanh nhân

a) *Đối tượng đào tạo*: Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng là cán bộ quản lý, điều hành doanh nghiệp. Chú trọng đào tạo các kỹ sư, chuyên gia đầu ngành về ứng dụng công nghệ.

b) *Nội dung đào tạo, bồi dưỡng*: Cung cấp các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về khởi sự và quản trị doanh nghiệp, gồm các chuyên đề chủ yếu về nhận thức kinh doanh và ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh; những vấn đề về thị trường và marketing trong khởi sự doanh nghiệp; tổ chức sản xuất và vận hành doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng cần thiết thành lập doanh nghiệp; quản trị tài chính trong khởi sự doanh nghiệp; những vấn đề cơ bản về quản trị doanh nghiệp; đàm phán và ký kết hợp đồng; kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa; văn hóa doanh nghiệp; quản trị sản xuất chuyên sâu; quản trị nhân sự; quản trị tài chính; quản trị marketing; kỹ năng điều hành chuyên nghiệp... các khóa đào tạo về ứng dụng công nghệ cao.

c) *Hình thức đào tạo, bồi dưỡng*: Theo quy chuẩn về đào tạo, bồi dưỡng; tổ chức các khóa học trực tuyến qua mạng điện tử (E-learning) nhằm mở rộng đối tượng, giảm chi phí.

d) *Định mức hỗ trợ*: Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối thiểu 50% tổng chi phí của một khóa đào tạo; doanh nghiệp do nữ làm chủ được miễn học phí tham gia khóa đào tạo.

e) *Hình thức thực hiện*: Vào quý I hàng năm, Hiệp Hội doanh nghiệp tỉnh lập kế hoạch đào tạo bồi dưỡng trong năm gửi Sở Tài chính (lấy ý kiến Sở Kế hoạch và Đầu tư) thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện theo kế hoạch.

- Dự kiến kinh phí thực hiện (phần Ngân sách): 300 - 500 triệu đồng/năm.

- Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách tỉnh và nguồn xã hội hóa.

- Đơn vị chủ trì: Hiệp Hội doanh nghiệp tỉnh.

1.3.2. Hỗ trợ đào tạo nghề

a) *Đối tượng đào tạo*: Lao động có hộ khẩu ở tỉnh đã làm việc tại doanh nghiệp tối thiểu 6 tháng liên tục có tên trong danh sách trả lương của doanh nghiệp; tuổi đời không quá 55 tuổi đối với nam và 45 tuổi đối với nữ⁴.

b) *Nội dung hỗ trợ*: Hỗ trợ học phí lao động tham gia các khóa đào tạo có trình độ sơ cấp hoặc chương trình đào tạo dưới 3 tháng theo nhu cầu của doanh nghiệp.

c) *Hình thức đào tạo, bồi dưỡng*: Theo quy chuẩn về đào tạo, bồi dưỡng; tổ chức các khóa học trực tuyến qua mạng điện tử nhằm mở rộng đối tượng, giảm chi phí.

⁴. Đối với hỗ trợ đào tạo nghề cho nhà đầu tư thực hiện theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 của HĐND tỉnh về quy định chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

d) *Định mức hỗ trợ*: Hỗ trợ 100% học phí của khóa học nhưng không quá 03 triệu đồng đối với trình độ sơ cấp và không quá 02 triệu đồng đối với khóa học dưới 3 tháng.

e) *Hình thức hỗ trợ*: Vào quý I hàng năm, các doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo nghề cho lao động gửi danh sách đến Sở Lao động, Thương binh và Xã hội để tổng hợp nhu cầu.

f) *Thủ tục hỗ trợ*: Doanh nghiệp nộp phiếu thu học phí, chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa học đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh.

- *Dự kiến kinh phí thực hiện (phần Ngân sách)*: 100 triệu đồng/năm.

- *Nguồn kinh phí thực hiện*: Ngân sách tỉnh hỗ trợ từ nguồn kinh phí đào tạo nghề hàng năm và nguồn xã hội hóa.

- *Đơn vị chủ trì*: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

1.4. Hỗ trợ tiếp cận đất đai

a) Hỗ trợ 50% giá thuê mặt bằng cho doanh nghiệp sản xuất trực tiếp tại các Khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu sản xuất tập trung phù hợp với quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn thông qua việc bù giá cho nhà đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa là 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng. Số tiền bù giá được trừ vào số tiền thuê đất hoặc được hỗ trợ từ ngân sách địa phương⁵.

b) UBND các huyện, thị xã, thành phố bố trí triển khai lập quỹ đất sạch từ 300 ha-500 ha trở lên để thu hút doanh nghiệp đầu tư, trong đó ưu tiên bố trí quỹ đất để hình thành các cụm công nghiệp, khu chế biến nông-lâm-thủy-hải sản cho DN nhỏ và vừa hoạt động sản xuất kinh doanh. Thực hiện công khai rộng rãi quy hoạch sử dụng đất, các quy hoạch ngành, quy hoạch chi tiết các phân khu trên các trang thông tin, điện tử của địa phương.

c) Các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm đồng hành cùng doanh nghiệp trong việc thỏa thuận, đền bù, giải phóng mặt bằng phục vụ sản xuất kinh doanh. Đồng chí bí thư, chủ tịch cấp huyện phải trực tiếp chỉ đạo thực hiện công tác bồi thường GPMB và chịu trách nhiệm cá nhân trước Tỉnh ủy, UBND tỉnh nếu để xảy ra chậm trễ, kéo dài, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, tạo môi trường ổn định cho doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn.

d) Trong quá trình thực hiện rà soát, điều chỉnh Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 ưu tiên quỹ đất để bố trí cho các nhà đầu tư, các doanh nghiệp thuê phát triển sản xuất kinh doanh. Đồng thời, nghiêm yết, công khai, minh bạch các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để doanh nghiệp lựa chọn cơ hội đầu tư.

e) Thực hiện quy định về công bố công khai quỹ đất chưa sử dụng, đất chưa cho thuê, cho thuê lại tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, quỹ

⁵ Chỉ hỗ trợ đối với các DN NVV thuê mặt bằng tại các cụm công nghiệp do nhà đầu tư bỏ tiền xây dựng cơ sở hạ tầng. Còn các cụm CN do nhà nước đầu thì DN đã được miễn tiền thuê đất từ 7-11 năm nên không hỗ trợ (quy định tại Điều 11- Luật hỗ trợ DNNVV).

đất được Nhà nước giao, cho thuê nhưng chậm đưa vào sử dụng. Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận đất đai.

f) Trong quá trình sắp xếp lại quỹ đất công, các công trình trụ sở, cơ sở hạ tầng thuộc tài sản công hiện có, ưu tiên bố trí cho cơ sở thực hiện xã hội hóa và các doanh nghiệp đầu tư vào ngành nghề hoặc địa bàn ưu đãi có khó khăn về mặt bằng thuê dài hạn với giá ưu đãi để sản xuất kinh doanh.

g) Đối với các lĩnh vực xã hội hóa đáp ứng nhu cầu của tỉnh cần theo quy định của pháp luật thì được Nhà nước xem xét giao đất hoặc cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để đầu tư xây dựng các công trình xã hội hóa.

- Đơn vị chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

1.5. Hỗ trợ tiếp cận tín dụng

a) Hỗ trợ lãi suất doanh nghiệp nhỏ và vừa vay tại các tổ chức tín dụng để đầu tư sản xuất, kinh doanh hoặc mở rộng sản xuất, kinh doanh vào các lĩnh vực gồm: Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, du lịch, ứng dụng khoa học công nghệ, công nghiệp phụ trợ; doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Điều kiện để khoản vay được cấp bù lãi suất:

(1) Khoản vay đã được ký hợp đồng tín dụng và đã được giải ngân vốn vay tại các tổ chức tín dụng theo đúng quy định.

(2) Doanh nghiệp có sử dụng trên 10 lao động làm việc thường xuyên (có danh sách đóng BHXH của công ty).

(3) Doanh nghiệp đã triển khai thực hiện hoàn thành đưa dự án có vay vốn vào hoạt động.

- Định mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 50% lãi suất vay vốn (theo hợp đồng tín dụng đã ký kết) của doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/doanh nghiệp.

- Dự kiến kinh phí thực hiện: 1,5 - 02 tỷ đồng/năm.

- Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách tỉnh hỗ trợ.

- Đơn vị chủ trì: Ngân hàng nhà nước Chi nhánh Quảng Trị.

b) Hướng dẫn, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận các hoạt động hỗ trợ của các Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Quyết định số 601/QĐ-TTg ngày 17 tháng 04 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ; Quỹ Hỗ trợ Thanh niên Khởi nghiệp do Trung tâm Hỗ trợ Thanh niên Khởi nghiệp điều hành; Đề án Vietnam Silicon Valley của Bộ Khoa học công nghệ dành; Quỹ Đầu tư Khởi nghiệp và Sáng tạo Hồ Chí Minh (HSIF).

c) Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1355/QĐ-NHNN ngày 28/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về ban hành Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp năm 2016-2017, định hướng đến năm 2020 và Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn.

d) Giám sát việc thực hiện lãi suất huy động và cho vay của các tổ chức tín dụng. Giữ nguyên lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn dưới 6 tháng, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của các tổ chức tín dụng đối với 5 lĩnh vực ưu tiên đó là: nông nghiệp, nông thôn; xuất khẩu; công nghiệp phụ trợ; doanh nghiệp nhỏ và vừa; doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

e) Rà soát, thực hiện cải cách thủ tục hành chính, nhằm đơn giản hóa các thủ tục tạo điều kiện cho doanh nghiệp và người dân dễ dàng tiếp cận các dịch vụ ngân hàng.

f) Thực hiện hiệu quả Chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại Công văn Số: 2667/NHNN-VP ngày 17 tháng 04 năm 2014 về việc triển khai Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp Tổ chức đối thoại giữa ngân hàng với doanh nghiệp thông qua hội nghị, hội thảo hoặc giao ban trực tuyến để thông tin, phổ biến cơ chế chính sách về tiền tệ, tín dụng, lãi suất và các cơ chế chính sách khác có liên quan,... cũng như giải đáp, phản hồi các ý kiến, kiến nghị của doanh nghiệp.

g) Gắn kết Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp với chương trình cho vay bình ổn giá thị trường, thông qua việc các ngân hàng cam kết dành gói hỗ trợ với lãi suất phù hợp cho các doanh nghiệp bình ổn giá. Thực hiện cho vay theo chuỗi liên kết từ khâu sản xuất đến khâu chế biến và tiêu thụ sản phẩm, nhất là các mặt hàng nông, thủy sản.

- Đơn vị chủ trì: Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Quảng Trị.

1.6. Hỗ trợ kết nối thị trường

a) Hỗ trợ tư vấn định hướng thị trường tiềm năng; hỗ trợ 100% chi phí gian hàng doanh nghiệp tham gia hội chợ xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm trong và ngoài nước; tổ chức tuyên truyền, thông tin quảng cáo, giới thiệu doanh nghiệp trên các website của ngành và các cơ quan quản lý Nhà nước.

b) Hỗ trợ, hướng dẫn kỹ thuật để tăng cường sự liên kết chuỗi sản xuất hàng hóa an toàn, chất lượng và đáp ứng nhu cầu thị trường. Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp làm đầu mối tiêu thụ nông, sản phẩm chủ lực của tỉnh, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp với các công ty sản xuất có tên tuổi, uy tín.

c) Tuyển chọn các sản phẩm đặc trưng, đặc sản chất lượng trong tỉnh để hỗ trợ tham gia vào các quầy hàng giới thiệu, quảng bá và bán sản phẩm của tỉnh tại các hội chợ trong tỉnh, trong nước và nước ngoài, các điểm tham quan du lịch, các khu trưng bày... để quảng bá, giới thiệu sản phẩm địa phương.

d) Tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách đẩy mạnh việc hợp tác trong các hoạt động xúc tiến đầu tư, phát triển hạ tầng thương mại, xây dựng các siêu thị, trung tâm thương mại, đầu mối thu mua nhằm đảm bảo lưu thông hàng hóa được thuận tiện và nhanh chóng.

e) Hỗ trợ thông tin, kỹ thuật để các hộ sản xuất, kinh doanh nhỏ có cơ hội tham gia trực tiếp vào chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ hàng hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh trong thời kỳ hội nhập.

f) Tổ chức chương trình “Kết nối doanh nghiệp” giữa doanh nghiệp của

tính với doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Trước mắt, tổ chức chương trình kết nối giữa doanh nghiệp dân doanh với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động trên địa bàn tỉnh, nhất là các doanh nghiệp đang đầu tư ở Khu kinh tế Đông Nam và các Khu công nghiệp, tạo điều kiện để các doanh nghiệp tiếp xúc, tìm hiểu cơ hội hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm, chuyên giao khoa học công nghệ, từng bước hình thành các cụm liên kết doanh nghiệp theo ngành và lĩnh vực hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- *Hình thức thực hiện:* Hàng năm, Sở Công Thương chủ trì xây dựng kế hoạch xúc tiến thương mại, hỗ trợ thị trường trình UBND tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện.

- *Dự kiến kinh phí thực hiện (phần Ngân sách):* 01 - 1,2 tỷ đồng/năm.

- *Nguồn kinh phí thực hiện:* Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ từ nguồn kinh phí xúc tiến thương mại hàng năm và nguồn xã hội hóa.

- *Đơn vị chủ trì:* Sở Công Thương.

1.7. Truyền thông khởi nghiệp

a) **Đẩy mạnh công tác truyền thông, đào tạo** góp phần nâng cao nhận thức khởi nghiệp cho xã hội, kích thích tinh thần khởi nghiệp trong mỗi người dân, đặc biệt là trong thanh niên, sinh viên về văn hóa khởi nghiệp, kinh doanh, đề cao và xây dựng tinh thần doanh nhân, doanh trí và nhân bản cho các doanh nhân trẻ và những người muốn tạo lập sự nghiệp kinh doanh riêng.

b) Các hoạt động chủ yếu: Biên soạn và triển khai chương trình giáo dục khởi nghiệp; Tổ chức hội thảo chuyên đề; Tổ chức cho những người có ý tưởng, hoài bão, kế hoạch sản xuất kinh doanh tốt đi nghiên cứu, học tập, tham quan các cơ sở sản xuất kinh doanh, các Viện nghiên cứu, các trường đào tạo, trung tâm nghiên cứu và chuyên giao ứng dụng khoa học. Xây dựng chuyên mục giới thiệu các sản phẩm mới, đặc trưng, đặc thù trên sóng truyền hình tỉnh.

c) Xây dựng các chương trình truyền thông, các trang thông tin tuyên truyền để phổ biến các chính sách ưu đãi hỗ trợ của Chính phủ và của tỉnh đến cộng đồng doanh nghiệp nhằm tăng cường minh bạch và thúc đẩy doanh nghiệp tiếp cận và tăng khả năng thụ hưởng của các doanh nghiệp đủ điều kiện.

- *Nguồn kinh phí thực hiện:* Ngân sách tỉnh bố trí từ nguồn chi phí sự nghiệp thông tin truyền thông hàng năm.

- *Dự kiến kinh phí thực hiện:* 50 triệu đồng/năm.

- *Đơn vị chủ trì:* Sở Thông tin và Truyền thông.

1.8. Cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh:

a) Triển khai có hiệu quả công tác cải cách hành chính, nâng cao trình độ chất lượng chuyên môn, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ công chức. Nâng cao chất lượng hoạt động bộ phận một cửa, đảm bảo tính thống nhất và chuyên nghiệp trong thực thi công vụ.

b) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, gây nhũng nhiễu, thực hiện có nghiêm minh kỷ luật, kỷ cương hành chính.

c) Tham mưu thành lập Trung tâm xúc tiến hỗ trợ doanh nghiệp, khởi nghiệp hoặc Ban xúc tiến hỗ trợ doanh nghiệp, khởi nghiệp làm đầu mối tư vấn,

hỗ trợ doanh nghiệp trên cơ sở sắp xếp lại chức năng nhiệm vụ của một số cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Tổng kết, đánh giá mô hình kiểm tra “một cửa, một lần dừng” tại cặp cửa khẩu Quốc tế Lao Bảo - Đềnsavann gắn với cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường thông thoáng để thu hút hàng hóa XNK, người và phương tiện xuất nhập cảnh.

(e) Cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính những lĩnh vực liên quan trực tiếp đến doanh nghiệp:

- Rút ngắn thời gian thành lập doanh nghiệp xuống còn tối đa 02 ngày làm việc.

- Thời gian thông quan hàng hóa qua biên giới dưới 10 ngày đối với hàng xuất khẩu, dưới 12 ngày đối với hàng nhập khẩu.

- Không quá 10 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, nhà đầu tư được UBND tỉnh cấp chủ trương đầu tư. Tối đa 4 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, tỉnh sẽ hoàn thành việc cấp giấy phép cho người nước ngoài.

- Rút ngắn thời gian cấp phép xây dựng và các thủ tục liên quan tối đa không quá 70 ngày.

- Cải cách quy trình, hồ sơ và thủ tục nộp thuế và rút ngắn thời gian để các doanh nghiệp hoàn thành thủ tục nộp thuế. Thực hiện 100% kê khai và nộp thuế điện tử.

- Thời gian thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường không quá 30 ngày; thời gian thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược từ không quá 20 ngày.

- Thời gian đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản xuống không quá 14 ngày.

- Thời gian giải quyết tranh chấp hợp đồng xuống còn tối đa 200 ngày; thời gian giải quyết phá sản doanh nghiệp xuống còn 24 tháng;

(f). Cung cấp nước liên tục, đảm bảo chất lượng, thi công hệ thống cấp nước đến đồng hồ khách hàng đối với các dự án đầu tư tại khu vực đô thị, Khu công nghiệp, khu kinh tế. Đầu tư lưới điện đến tận chân hàng rào dự án cho các doanh nghiệp đầu tư tại khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Cung cấp thông tin liên lạc kịp thời cho nhà đầu tư.

(g). Cung ứng đủ lao động và cơ sở đào tạo lao động cho các doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn .

(h). Lãnh đạo UBND tỉnh sẽ trực tiếp giải quyết những khó khăn, vướng mắc của Doanh nghiệp theo đường dây nóng của Chủ tịch UBND tỉnh; sẵn sàng tiếp nhận và thảo luận với các nhà đầu tư bất kể thời gian nào (kể cả ngày lễ, ngày nghỉ và ngoài giờ hành chính).

(i). Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra theo đúng quy định của pháp luật (không quá một lần/năm); kết hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành nhiều nội dung trong một đợt thanh tra, kiểm tra, trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra đợt xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật rõ ràng.

- Đơn vị chủ trì: Sở Nội vụ

2. Nhóm giải pháp hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh; doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

2.1. Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp.

2.1.1. Đối với doanh nghiệp đăng ký thành lập mới

a) Miễn thuế môn bài trong 03 năm đầu kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu đối với các doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tại địa bàn các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã bãi ngang theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Hình thức hỗ trợ: Ngân sách tỉnh hỗ trợ cấp qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở chi trả trực tiếp cho doanh nghiệp hoặc chuyển tiền hỗ trợ vào tài khoản của Doanh nghiệp đã đăng ký với Sở khi đăng ký thành lập doanh nghiệp.

b) Tổ chức tập huấn, tư vấn, hướng dẫn để hỗ trợ tối đa cho người dân thực hiện đăng ký thành lập doanh nghiệp qua mạng điện tử; miễn phí, lệ phí thành lập doanh nghiệp, phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp khi đăng ký trực tuyến (cấp độ 4).

c) Cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm kết nối doanh nghiệp mới thành lập với các doanh nghiệp kinh doanh các phần mềm, chương trình quản lý doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, quản lý doanh nghiệp để hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

2.1.2. Đối với doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh cá thể

(1). Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được hỗ trợ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Trước khi thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã đăng ký và hoạt động theo quy định của pháp luật;

b) Hộ kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh liên tục ít nhất là 01 năm tính đến ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

(2). Nội dung hỗ trợ:

a) Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp lần đầu; miễn phí thẩm định, phí, lệ phí cấp phép kinh doanh lần đầu đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

b) Tổ chức các đợt tư vấn, hướng dẫn miễn phí về hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp;

c) Tư vấn, hướng dẫn miễn phí các thủ tục hành chính về thuế, bảo hiểm và chế độ kế toán trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

d) Miễn, giảm các loại thuế, phí đối với hộ kinh doanh chuyển đổi theo quy định của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

e) Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành phải tuân thủ theo

Quy chế phối hợp về thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp.

- *Dự kiến kinh phí thực hiện* (bao gồm mục a và b): 100 - 150 triệu đồng/năm.

- *Nguồn kinh phí thực hiện*: Ngân sách tỉnh bố trí.

- *Đơn vị chủ trì*: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2.2. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

Ngoài những chính sách hỗ trợ chung được quy định tại mục 1 của Đề án, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo còn được hỗ trợ theo quy định sau:

a) Hỗ trợ 50% chi phí thuê văn phòng làm việc trong thời hạn 1 năm, nhưng tối đa không quá 03 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp.

b) Được tạo điều kiện thuê ưu đãi văn phòng làm việc tại các khu làm việc chung của nhà nước, trong thời hạn 3 năm.

c) Doanh nghiệp đầu tư xây dựng trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp hoặc khu làm việc chung để hỗ trợ khởi nghiệp, sáng tạo được hỗ trợ 20% kinh phí xây dựng, cải tạo, nhưng không quá 100 triệu đồng/1 dự án.

d) Hình thành vườn ươm phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp.

- *Nguồn kinh phí thực hiện*: Ngân sách tỉnh bố trí.

- *Dự kiến kinh phí thực hiện*: 100 triệu đồng/năm.

- *Đơn vị chủ trì*: Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh.

e) Tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

f) Hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/ý tưởng, dự án khởi nghiệp sáng tạo đạt giải tại các cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo do tỉnh tổ chức.

g) Thành lập Ban cố vấn về khởi nghiệp sáng tạo của tỉnh.

- *Nguồn kinh phí thực hiện*: Ngân sách tỉnh bố trí.

- *Dự kiến kinh phí thực hiện*: 100 triệu đồng/năm.

- *Đơn vị chủ trì*: Tỉnh đoàn Quảng Trị.

2.3. Hỗ trợ tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

- *Đối tượng*: Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến.

- *Điều kiện hỗ trợ*:

a) Doanh nghiệp có Đề án hoặc Kế hoạch tổ chức sản xuất hàng hóa theo mô hình liên doanh liên kết.

b) Tạo ra sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và nâng cao giá trị sản phẩm.

c) Có hợp đồng liên danh, liên kết ngành, chuỗi giá trị.

d) Tạo việc làm cho người lao động.

- *Nội dung hỗ trợ*

a) Hỗ trợ 50% chi phí đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản

xuất tại hiện trường, nhưng không quá 10 triệu đồng trên khóa đào tạo cho 01 doanh nghiệp và không quá 01 khóa đào tạo trên năm.

b) Hỗ trợ 100% chi chí gian hàng tham gia tại Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước và khu vực ASEAN.

c) Hỗ trợ 100% chi phí đăng ký bảo hộ thương hiệu; 50% chi phí thiết kế bao bì, nhãn mác, đăng ký chỉ dẫn địa lý.

d) Hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- *Dự kiến kinh phí:* Ngân sách tỉnh bố trí từ 200-300 triệu đồng/năm.

- *Nguồn kinh phí thực hiện:* Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ.

- *Đơn vị chủ trì:*

+ Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì lĩnh vực sản xuất, chế biến nông, lâm nghiệp, thủy sản.

+ Sở Công Thương chủ trì lĩnh vực sản xuất, chế biến công nghiệp.

3. Nhóm giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực tỉnh có lợi thế

3.1. Đối với lĩnh vực du lịch:

a) Đề xuất lựa chọn, quy hoạch, lập và công bố danh mục các điểm, tuyến du lịch trọng điểm, kể cả du lịch hoài niệm, tâm linh để kêu gọi hoặc nhượng quyền khai thác cho các nhà đầu tư vào đầu tư phát triển du lịch bằng nhiều hình thức nhằm tăng nguồn thu cho tỉnh.

b) Quy hoạch, bố trí quỹ đất để kêu gọi đầu tư các trung tâm thương mại dịch vụ, khu vui chơi giải trí, khu văn phòng, khu phố đêm, chợ đêm... nhằm phục vụ nhu cầu của khách du lịch và các doanh nghiệp, nhà đầu tư mong muốn đầu tư vào du lịch trên địa bàn tỉnh.

c) Ưu tiên cân đối, bố trí ngân sách tỉnh để hỗ trợ đầu tư hạ tầng du lịch, đồng thời chú trọng lồng ghép đầu tư hạ tầng du lịch với các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội; chú trọng đầu tư vào các khu du lịch trọng điểm của tỉnh đã lựa chọn để tạo đà bứt phá cho du lịch Quảng Trị.

d) Hỗ trợ về các loại thuế, phí... đối với các doanh nghiệp có sự đổi mới, sáng tạo, đa dạng hóa các loại hình, sản phẩm du lịch để khai thác tốt các tiềm năng du lịch của tỉnh. Hỗ trợ các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh kết nối thị trường với các doanh nghiệp các tỉnh khu vực lân cận và các nước trên tuyến Hành lang kinh tế Đông Tây.

e) Khuyến khích phát triển các dịch vụ logistics, xây dựng các trạm thông tin, trạm dừng chân, các dịch vụ tham quan, nghỉ ngơi; đơn giản hóa các thủ tục hải quan, tạo diện cho hàng hóa, du khách qua lại thuận lợi trên tuyến Hành lang kinh tế Đông Tây. Quy hoạch phát triển các điểm, tuyến du lịch qua biên giới, chiến lược phát triển thương mại, dịch vụ dọc tuyến Hành lang.

f) Tăng cường công tác xúc tiến quảng bá du lịch, nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch mang tính thương hiệu của du lịch Quảng Trị; xây dựng các địa

điểm giới thiệu, quảng bá các sản phẩm đặc trưng của tỉnh. Cho phép, hướng dẫn tay lái nghịch các nước trong khu vực đi vào Quảng Trị.

g) Hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ nguồn nhân lực du lịch, chú trọng bồi dưỡng kiến thức thị trường, ngoại ngữ và nghiệp vụ chuyên sâu, nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên và môi trường.

h) Khuyến khích người dân trực tiếp tham gia kinh doanh, hưởng lợi từ du lịch, tham gia phát triển du lịch cộng đồng thông qua các hình thức quy hoạch, xây dựng, cho thuê các điểm kinh doanh dịch vụ phụ trợ gần các khu du lịch trọng điểm của tỉnh.

- *Nguồn kinh phí thực hiện:* Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ từ nguồn xúc tiến du lịch bố trí hàng năm và kinh phí hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 của HĐND tỉnh về quy định chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- *Đơn vị chủ trì:* Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3.2. Đối với lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao:

a) Thực hiện giao đất sạch cho nhà đầu tư, đối với diện tích đất đảm bảo đủ điều kiện để giao đất. Trường hợp phải thực hiện thu hồi, bồi thường, giải phóng mặt bằng, ngân sách tỉnh bố trí hỗ trợ 50% chi phí thực hiện thu hồi, bồi thường, giải phóng mặt bằng nhưng tối đa không quá 2 tỷ đồng/dự án có tổng vốn đầu tư từ 50 - 100 tỷ đồng; không quá 3 tỷ đồng/dự án có tổng vốn đầu tư từ trên 100 - 300 tỷ đồng và không quá 5 tỷ đồng/dự án có tổng vốn đầu tư từ trên 300 tỷ đồng.

b) Nhà đầu tư có nhu cầu thuê đất của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được chính quyền địa phương (UBND huyện, xã, phường) hỗ trợ thực hiện các thủ tục để nhà đầu tư thuê và ký hợp đồng thuê quyền sử dụng đất với hộ gia đình, cá nhân để đầu tư, nhà đầu tư ưu tiên thuê lao động để sản xuất của các hộ gia đình, cá nhân có đất cho thuê. Nhà đầu tư được hỗ trợ tiền thuê đất của hộ gia đình, cá nhân với mức hỗ trợ 30% đối với vùng khó khăn, 50% đối với vùng đặc biệt khó khăn theo đơn giá cho thuê của tỉnh, thời gian hỗ trợ 03 năm tính từ khi thực hiện xong các thủ tục thuê đất.

c) Hỗ trợ 100% kinh phí phục vụ công tác đo đạc, chỉnh lý hồ sơ địa chính đối với trường hợp nhà đầu tư liên kết với hộ gia đình, cá nhân bằng hình thức góp vốn quyền sử dụng đất để đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Được hỗ trợ miễn phí chi phí lập quy hoạch vùng nông nghiệp công nghệ cao.

d) Được ưu tiên bố trí quỹ đất, giao đất, cho thuê đất, mặt nước tại khu, vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo phê duyệt quy hoạch của cấp có thẩm quyền và hỗ trợ các thủ tục giao đất, cho thuê đất, mặt nước theo quy định hiện hành.

e) Miễn 100% phí thuê đất hoặc thuê đất nông nghiệp trong 5 năm đầu tiên đối với doanh nghiệp có hợp đồng liên kết sản xuất trên diện tích tích tụ (thuê quyền sử dụng đất) thời hạn thuê tối thiểu 10 năm liên tục trở lên và liền vùng liền khoảnh và có diện tích tối thiểu đáp ứng các điều kiện sau: đối với lúa 20ha/vùng; dưa, ngô, lạc và các loại cây ngắn ngày khác: 5 ha/vùng; Cây ăn quả,

Hồ tiêu, cà phê... 3 ha/vùng đối với đồng bằng, 2 ha/vùng đối với miền núi và chưa được hưởng chính sách từ các nguồn kinh phí khác.

f) Đối với các doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, ngoài việc được thụ hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực nông nghiệp, sẽ được sắp xếp danh mục ưu tiên được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ và Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 của HĐND tỉnh.

g) Thực hiện có hiệu quả các nội dung hỗ trợ quy định tại Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 về hỗ trợ phát triển một số cây trồng, con nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025.

- *Nguồn kinh phí thực hiện:* Ngân sách Trung ương hỗ trợ theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 và kinh phí hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 của HĐND tỉnh về quy định chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Nhóm giải pháp khác:

4.1. Cân đối, bố trí nguồn lực để doanh nghiệp được thụ hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Chính phủ.

Rà soát, xây dựng kế hoạch và cân đối, bố trí ngân sách thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp do Chính phủ ban hành, như: Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 13/3/2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước; Nghị định số 65/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 về chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trồng nuôi trồng, khai thác dược liệu; Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; đối ứng thực hiện Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Quyết định số 1355/QĐ-NHNN ngày 28/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- *Đơn vị chủ trì:* Sở Tài chính.

4.2. Rà soát, điều chỉnh một số cơ chế, chính sách của tỉnh đảm bảo phù hợp và khả thi hơn.

4.2.1. Rà soát, chỉnh sửa chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 của HĐND tỉnh nhằm đảm bảo tính khả thi, đáp ứng nguyện vọng của cộng đồng doanh nghiệp, nhất là nội dung hỗ trợ GPMB và đào tạo nghề.

- *Đơn vị chủ trì:* Sở Kế hoạch và Đầu tư.

4.2.2. Rà soát, điều chỉnh một số chủ trương, chính sách khác của tỉnh.

- Nghiên cứu áp dụng các quy định của Luật Cạnh tranh, các thông lệ theo

khuyến nghị của OECD...nhằm xây dựng môi trường cạnh tranh lành mạnh.

- Tăng cường chấn chỉnh thực hiện nghiêm túc các cam kết của Chủ tịch UBND tỉnh đối với cộng đồng doanh nghiệp và nhà đầu tư nhằm đảm bảo tính thống nhất, hiệu quả và uy tín của chính quyền tỉnh trong thực thi công vụ.

- Đơn vị chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

4.2.3. Triển khai có hiệu quả kế hoạch cải cách hành chính; nâng cao chất lượng hoạt động bộ phận một cửa, đạo đức công vụ.

- Đơn vị chủ trì: Sở Nội vụ.

- Rà soát, chấn chỉnh, cắt giảm “giấy phép con” còn tồn tại trong một số lĩnh vực cấp phép cho người dân và doanh nghiệp...

- Đơn vị chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh.

4.2.4: Rà soát, đánh giá thực hiện và sửa đổi bổ sung Chính sách hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng các Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 17/2010/QĐ-UBND ngày 18/10/2010 của UBND tỉnh.

- Đơn vị chủ trì: Sở Công Thương.

4.2.5. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hiệp hội doanh nghiệp, làm tốt vai trò tổ chức đại diện, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong cung cấp thông tin, hỗ trợ liên kết, hợp tác kinh doanh, đào tạo kỹ thuật và tư vấn cho hội viên.

- Đơn vị chủ trì: Hiệp Hội doanh nghiệp tỉnh.

4.3 Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp thực hiện các dự án đầu tư trên tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây để khai thác tiềm năng, thế mạnh của tuyến.

DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN, GIAI ĐOẠN 2018 - 2021

Nguồn ngân sách tỉnh: 15.000 - 19.000 triệu đồng

Trong đó:

- Hỗ trợ cung cấp thông tin : 400 triệu đồng;
- Hỗ trợ trợ giúp pháp lý : 600 triệu đồng;
- Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng phát triển nhân lực: 1.600 - 2.000 triệu đồng.
- + Đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ doanh nhân: 300 - 500 triệu đồng/năm;
- + Hỗ trợ đào tạo nâng cao tay nghề: 100 triệu đồng/năm;
- Hỗ trợ tiếp cận tín dụng : 6.000 - 8.000 triệu đồng;
- Hỗ trợ tiếp cận thị trường : 4.000 - 4.800 triệu đồng;
- Truyền thông khởi nghiệp : 200 triệu đồng.
- Hỗ trợ phí, lệ phí, phí công bố thành lập DN : 400 - 600 triệu đồng;
- Hỗ trợ DN khởi nghiệp, sáng tạo: : 800 triệu đồng;
- Hỗ trợ tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị: 1.000 - 1.200 triệu đồng.

Phần thứ ba
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND tỉnh phân công 01 đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc Giám đốc các Sở, Trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phụ trách, đảm bảo chất lượng và có hiệu quả.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng kế hoạch thực hiện và trình UBND tỉnh phê duyệt, trong đó giao nhiệm vụ cụ thể cho các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện.

3. Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan báo chí, truyền hình phối hợp chặt chẽ với các Sở, Ban, ngành và chính quyền, đoàn thể các cấp tổ chức tuyên truyền sâu rộng nội dung Đề án này đến toàn thể cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn tỉnh; thường xuyên cập nhật, đưa tin về tình hình và kết quả triển khai thực hiện Đề án.

4. Giao Sở Tài chính tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Đề án;

5. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối, đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ của các Sở, Ban, ngành và các đơn vị liên quan. Định kỳ hàng năm, tổng hợp tình hình thực hiện, báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; tổng hợp kiến nghị của các cấp, các ngành và doanh nghiệp để đề xuất sửa đổi, bổ sung nội dung của Đề án cho phù hợp với tình hình thực tế. *w*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH²


Nguyễn Đức Chính